TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/DSPT
Ngày: 26/12/2017
V/v "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Tố Nga.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hoà.

Ông Nguyễn Xuân Hoà.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu: Bà Trần Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử Phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLPT ngày 03 tháng 11năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TU bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2017/QĐPT ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1968.
Trú tại: Xóm M, xã MC, huyện TU, tỉnh LC (Có mặt).
2. Bị đơn: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1980.
Trú tại: Khu 5B thị trấn TU, huyện TU, tỉnh LC (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần NH, người đại diện là Bà Phan Thị H, sinh năm 1978, Chức vụ: Giám đốc, Địa chỉ: Số 082 đường Trần Hưng Đạo, phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 2012 ông Nguyễn Đăng P là chủ Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng có bán vật liệu xây dựng cho ông Bùi Ngọc T nhiều lần, mỗi lần mua đều chốt sổ nợ và thanh toán. Ngày 03/4/2012 ông Đinh Văn T có đến lấy vật liệu xây dựng, do ông T gọi điện cho cửa hàng ông P nói: "Ông T là người quen nên cứ giao cho ông T", ông T có ký sổ và nhận hàng trị giá tiền là 9.096.000 đồng, ông T cho rằng cả T và T là

người của Công ty cổ phần NH đến nhận hàng chứ không phải người mua nên không nhận trả.

Ngày 04/4/2017 ông T tiếp tục gọi điện và cho người đến nhận hàng với giá trị tiền là 36.000.000 đồng (Có vào sổ nhưng không cho ký tên); Các lần khác ông T đều nhận nợ, thanh toán và ký. Ngày 21/9/2012 chốt nợ cuối cùng ông T có thanh toán 20.000.000 đồng và ký vào sổ ghi nợ số tiền là 100.092.000 đồng, (Do cộng nhầm nên thiếu 1.880.000 đồng) thực tế là 101.972.000 đồng, lần chốt sổ cuối cùng ông T không có ý kiến gì. Ông P đòi nhiều lần nhưng ông T cho rằng Công ty cổ phần NH phải trả nợ chứ ông không nợ. Ông P làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền mua vật liệu xây dựng là 101.972.000 đồng, do không biết ông T ở đâu để đòi số tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 9.096.000 đồng, nên ông P rút số tiền khởi kiện xuống còn 92.876.000 đồng.

Bị đơn ông Bùi Ngọc T thừa nhận có được lấy vật liệu xây dựng tại Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng, nhưng do Công ty cổ phần NH mua và nhờ ông đi nhận hộ và trả nợ một số tiền vật liệu cho ông P đều ký sổ giao nhận hàng. Ngày 21/9/2012 ông T có trả cho Doanh nghiệp Toàn Thắng 20.000.000 đồng, nhưng không cộng sổ để chốt nợ. Nay ông P khởi kiện đòi ông phải trả số tiền 92.876.000 đồng là không có cơ sở mà phải kiện Công ty cổ phần NH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị H cho rằng Công ty cổ phần NH không hề có giao dịch mua bán vật liệu với Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng đại diện là ông P, ông T không phải người của Công ty. Năm 2012 Công ty NH có xây trường học tại xã MC, huyện TU, do quen biết nên bà có đưa tiền cho ông T mua vật liệu xây dựng, còn ông T mua ở đâu Công ty không hề biết, sau đó Công ty đã chốt nợ với ông T và thanh toán hết với ông T, hiện tại ông T còn nợ Công ty số tiền 27.300.000 đồng. Còn việc ông T cung cấp biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/6/2013 có chữ ký của Giám đốc (bà H) và đóng dấu của Công ty là do ông T nói: Do ông P đòi nợ nhiều quá, ông T chưa trả được nên ông T tự soạn thảo biên bản đối chiếu công nợ mang lên nhờ bà ký và đóng dấu, còn thực chất Công ty NH không có việc giao dịch mua bán vật liệu xây dựng với Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU quyết định: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 38, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.Tuyên xử:

1, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng P.

2, Buộc ông Bùi Ngọc T phải trả nợ số tiền mua vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Đăng P là 92.876.000 đồng.

Ngoài ra còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2017 ông Bùi Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông cho rằng Công ty cổ phần NH phải thanh toán tiền nợ cho ông P vì ông là chỉ là người nhận hàng; Trong phiên toà sơ thẩm ông không được tranh luận với nguyên đơn; ông đề nghị ghi nhận việc ông có yêu cầu độc lập đối với Công ty cổ phần NH phải trả 101.972.000 đồng nhưng không được xem xét.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Bùi Ngọc T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tuy nhiên ông Nguyễn Đăng P và ông Bùi Ngọc T đã thoả thuận như sau: Ông Bùi Ngọc T có trách nhiệm trả tiền mua vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Đăng P số tiền 70.000.000 đồng, phương thức thanh toán mỗi tháng là 7.000.000 đồng, thời điểm trả nợ là ngày đầu tiên của tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018.

Đối với bà Phan Thị H vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến là Công ty cổ phần NH không liên quan gì đến ông P và ông T, quyền lợi của Công ty cổ phần NH không bị xâm phạm nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 147, 148, Điều 300, Điều 306, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Ngọc T và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC. Công nhận sự thoả thuận giữa ông T và ông P. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Về tố tụng: Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng P về việc đòi ông T trả tiền mua bán vật liệu xây dựng, xác định là quan hệ pháp luật về Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là đúng. Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung: Ông Nguyễn Đăng P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc T trả 92.876.000 đồng là tiền ông T đã mua vật liệu xây dựng của cửa hàng ông P. Ông Bùi Ngọc T không đồng ý trả với lý do ông là người nhận hộ vật liệu cho Công ty cổ phần NH để xây dựng công trình, chứ ông không phải là người mua.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu theo bút lục số 126 thể hiện về việc thời gian ông T đã lấy từng loại vật liệu xây dựng và chốt giá tiền, đồng thời ông T

đều ký nhận và ghi rõ họ tên, như vậy ông Bùi Ngọc T phải trả 92.876.000 đồng cho ông Nguyễn Đăng P là có căn cứ bởi lẽ: Việc ông T lấy vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp Toàn Thắng mà đại diện là ông P là có thật thể hiện qua bút lục 126 (Giấy ghi chép ngày tháng năm ông T lấy từng loại vật liệu xây dựng đều chốt số tiền và ký họ tên đầy đủ, có thể hiện các lần đã trả, số tiền còn lại chưa trả được cả hai bên cộng dồn và lần chốt cuối cùng là 100.092.000 đồng, ông T cũng thừa nhận chữ ký của mình. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm quyết định buộc ông T phải trả cho ông P số tiền 92.876.000 đồng là có căn cứ.

Nay ông T kháng cáo cho rằng: Công ty cổ phần NH phải trả số tiền trên là không có căn cứ. Nếu ông có căn cứ đối với Công ty cổ phần NH có liên quan đến quyền lợi của ông thì ông khởi kiện Công ty cổ phần NH bằng một vụ án dân sự khác. Ông còn cho rằng tại phiên toà sơ thẩm ông không được quyền tranh tụng với nguyên đơn. Xét về trình tự thủ tục tố tụng Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quyền lợi của ông đã được đảm bảo.

Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Đăng P và ông Bùi Ngọc T đã tự nguyện thoả thuận về nội dung vụ án như sau:

[1] Ông Bùi Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đăng P số tiền 70.000.000 đồng, phương thức thanh toán mỗi tháng là 7.000.000 đồng, thời điểm trả nợ là ngày đầu tiên của tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018.

Xét thấy sự thoả thuận giữa ông P và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó căn cứ vào Điều 300, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Ngọc T, sửa bản án dân sự sơ thẩm và công nhận sự thoả thuận của ông P và ông T.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Ông Bùi Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Đăng P không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 440, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Ngọc T và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu. Cụ thể:

1, Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: Ông Bùi Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đăng P số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng)*, phương thức thanh toán mỗi tháng trả 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)*, thời điểm trả nợ là ngày đầu tiên của tháng, bắt đầu từ tháng 01/2018.

2, Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Bùi Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (Xác nhận ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2010/0002930 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu) nay được hoàn lại.

Ông Nguyễn Đăng P không phải chịu án phí (Xác nhận ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0002729 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu là 2.549.300đ (*Hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm đồng)*, nay được hoàn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh LC
-Cục THADS tỉnh LC;
- TAND huyện TU;
- VKSND huyện TU;
- Chi cục THADS huyện TU;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ
- Lưu.

Đặng Thị Tố Nga

-

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hoà **Nguyễn Xuân Hoà** **Đặng Thị Tố Nga**

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Lai Châu;*
- *TAND huyện TU;;*
- *Cục THATLC;*
- *Các đương sự;*
- *Người có QLNVLQ*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Tố Nga